TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2015/HNGĐ
Ngày: 25/9/2015
Về " Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC - HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông: Nguyễn Văn Ân

2. Bà: Trần Thị Tứ

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hường - Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc: Bà Đinh Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2015, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Can Lộc mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2015/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2015 về việc "Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2015/QĐXX-ST ngày 11/9/2015 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

Hiện trú tại: Tổ 5, thị trấn L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt)

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Bị đơn: Chị Trần Thị Q (tức Trần Như Q, tức Trần Thị Như Q) - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện C, Hà Tĩnh (Có mặt)

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Tham dự phiên tòa:

- Cháu Nguyễn Thị Thúy H - Sinh năm 2000 (Con anh N, chị Q - Vắng mặt)

- Cháu Nguyễn Thùy A - Sinh năm 2002 (Con anh N, chị Q -Vắng mặt)

NHẬN THẤY

Theo nội dung đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N trình bày:

*Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 14/3/2000 tại UBND xã T, huyện C, Hà Tĩnh. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, cuộc sống chung vợ chồng từ khi về ở với nhau đã có mâu thuẫn nhưng đến năm 2010 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên bất đồng, mâu thuẫn, cãi vã, xâu ẩu, đánh đập nhau, không tôn trọng lẫn nhau để lại hậu quả làm tổn thương lẫn nhau, con cái, ông bà, người thân dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau và hai bên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, xóm, xã đã phải can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 8/2013 anh Ng. cắt hộ khẩu vào sinh sống tại Lâm Đồng. Nay anh Nguyễn Văn N xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn N cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Q.

* Về con chung: Theo anh Nguyễn Văn N và giấy khai sinh trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 03 con chung. Con đầu là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 09/5/2000, con thứ hai là Nguyễn Thùy A, sinh ngày 16/7/2002, con thứ ba là Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/9/2010. Hiện nay cả 03 con đang ở cùng với mẹ tại xã Q, huyện C. Anh N có nguyện vọng được nuôi cháu đầu Nguyễn Thị Thúy H và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con; còn cháu A, cháu P thì giao cho chị Q nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q với mức mỗi tháng mỗi cháu 01 triệu đồng cho đến khi hai cháu A, P đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày vợ chồng có một số tài sản chung như đất ở, nhà ở, xe máy… hiện vợ đang quản lý sử dụng và anh cũng sẽ giao cho vợ sử dụng, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ.

Về phía chị Trần Thị Q trong quá trình làm việc mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, vận động chị hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị không hợp tác, không trình bày bất cứ ý kiến hay nguyện vọng gì về việc anh Ng. yêu cầu ly hôn và những vấn đề liên quan, chị không ký vào biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải. Chị cho rằng chị không muốn ly hôn anh N nên chị không có ý kiến, nguyện vọng gì đối với những vấn đề mà anh N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa chị thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như anh N trình bày nhưng lỗi là do cả hai bên và chị vẫn giữ nguyên quan điểm đó đồng thời chị bổ sung ý kiến là nếu ly hôn anh N có thể nuôi cháu đầu và cháu thứ hai vấn đề là các cháu có theo bố hay không. Còn mức đóng góp nuôi con thì tùy tâm anh N chị không có ý kiến gì. Chị không có ý kiến gì về các vấn đề khác như tài sản, nợ chung mà anh N đã trình bày.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thùy A tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành yêu cầu các cháu viết bản trình bày nguyện vọng đồng thời lấy lời khai về nguyện vọng của hai cháu muốn được ở với ai nếu bố mẹ ly hôn nhưng các cháu không viết bản trình bày và đều có ý kiến không muốn bố mẹ ly hôn nên không trình bày nguyện vọng của mình và cùng mẹ bỏ về, không ký vào biên bản lấy lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa đã có ý kiến phát biểu đánh giá mặc dù bị đơn có sự bất hợp tác, nguyên đơn thay đổi địa chỉ không thông báo cho Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nhưng thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án đảm bảo trình tự, thủ tục thời hạn luật định cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cũng kiến nghị Hội đồng xét xử khi giải thích quyền và nghĩa vụ tại *điểm y điều 58* Bộ luật Tố tụng dân sự cần viện dẫn, giải thích thêm quyền đương sự quy định tại khoản 4 điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự do tìm hiểu anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Q đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 14/3/2000 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nhưng do không phù hợp nhau về quan điểm, tính cách, không tôn trọng, đánh đập lẫn nhau, nên cuộc sống chung của vợ chồng ngay từ đầu đã có những mâu thuẫn và từ năm 2010 trở đi mâu thuẫn càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và hai người đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Tuy chị Q không muốn ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Q không hợp tác với Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thể hiện sự thiếu trách nhiệm đối với việc xử lý tình cảm vợ chồng. Mặt khác dù Hội đồng xét xử đã thuyết phục, phân tích nhưng anh N khẳng định anh không còn tình cảm với chị Q và giữ nguyên quan điểm cương quyết xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ban cán sự xóm T, Hội phụ nữ xã Q, UBND xã Q cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể hòa giải, đoàn tụ, nhiều lần xâu ẩu lẫn nhau làm ảnh hưởng đến trật tự trị an chung và có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Q xuất phát từ sự không đồng thuận trong quan điểm, tính cách, cách xử sự và không tôn trọng, xâu ẩu lẫn nhau làm cho tình trạng hôn nhân giữa hai người ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân, anh N đã cắt hộ khẩu chuyển vào Lâm

đồng sinh sống. Do vậy xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn chị Q của anh N và áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Trần Thị Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy H (sinh ngày 09/5/2000), cháu Nguyễn Thùy A (sinh ngày 16/7/2002) và cháu Nguyễn Lâm P (sinh ngày 19/9/2010). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Q không nêu ý kiến của mình về việc nuôi con, cháu H, cháu A không trình bày nguyện vọng muốn được ở với ai khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay ba cháu đang ở với mẹ nhưng xét thấy hoàn cảnh điều kiện kinh tế, thu nhập của chị Q là từ làm nông nghiệp và có những khó khăn nhất định nên nếu để ba cháu ở với mẹ thì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt học tập cũng như các quyền lợi khác của các cháu. Vì vậy cần thiết giao cháu Nguyễn Thị Thúy H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con với anh N đồng thời giao cháu Nguyễn Thùy A và cháu Nguyễn Lâm P cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh N có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con với chị Q mỗi tháng mỗi cháu 01 triệu đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi như đề nghị của anh N là hợp tình, hợp lý, phù hợp với điều kiện sống của mỗi bên và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh N không yêu cầu Tòa án xém xét giải quyết, chị Q không có ý kiến gì nên HĐXX miễn xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 33, điểm a khoản 1 điều 35, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 55, khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử:

1. Về tình cảm: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Trần Thị Q (tức Trần Thị Như Q, tức Trần Như Q).

2. Về con chung:

Giao con thứ nhất Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 09/5/2000 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

Giao con thứ hai Nguyễn Thùy A, sinh ngày 16/7/2002 và con thứ ba Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/9/2010 cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi cháu mỗi tháng

1.000.000 ***(Một triệu)*** đồng cho đến khi cháu Nguyễn Thùy A, Nguyễn Lâm P đủ 18 tuổi.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8, 10 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội buộc anh Nguyễn Văn N phải chịu **200.000** đồng án phí ly hôn sơ thẩm và **200.000** đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 400.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **200.000** đồng mà anh N đã nộp theo Biên lai số 0001843 ngày 09/4/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Văn N còn phải nộp tiếp **200.000** đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện Can Lộc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự huyện Can Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- UBND xã T;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Khắc Hoàng